TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 69/2019/DS-ST Ngày: 21-11-2019 V/v tranh chấp hợp đồng nhận nợ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu;

2. Ông Quàng Văn Hặc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Chi – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La *tham gia phiên toà:* Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng nhận nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2019/QĐXX-ST ngày 01tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H; địa chỉ: Tổ 2, phường L, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đào Thị S, NĐKHKTT: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ nơi làm việc: Tầng 4, số 78 N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 03/9/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N; địa chỉ: Số 454, tổ 4, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị H (ủy quyền cho bà Đào Thị S) trình bày:

Trong năm 2017, công ty TNHH Kính V và công ty TNHH H có giao dịch mua bán một số tấm kính xây dựng. Công ty TNHH H là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên bao gồm ông Ngô Văn H và ông Ngô Văn H (là

chồng và con trai bà Lê Thị N). Công ty Kính VHG là công ty TNHH một thành viên do chồng bà Ngô Thị H là ông Vũ Xuân G làm chủ và người đại diện theo pháp luật). Trên thực tế việc giao dịch giữa hai bên là do bà Lê Thị N và bà Ngô Thị H trực tiếp thực hiện việc mua bán các mặt hàng là các tấm kính xây dựng. Việc giao dịch không có hóa đơn chứng từ do hai bên có mối quan hệ thân thiết, các lần giao nhận hàng hóa chỉ thể hiện bằng miệng thông qua các cuộc điện thoại. Về hình thức thanh toán: Bà Lê Thị N thanh toán tiền hàng chia thành nhiều đợt, bằng tiền mặt và thanh toán chuyển khoản. Sau nhiều lần giao dịch, do Công ty TNHH H gặp khó khăn nên bà N không thanh toán được đủ tiền hàng. Sau nhiều lần bà H gọi điện và gặp mặt trực tiếp yêu cầu thanh toán nợ thì bà Lê Thị N đứng ra viết Giấy nhận nợ với tư cách cá nhân của bà H (không đề ngày, tháng) với nội dung: xác nhận bà N nợ của bà H số tiền 284.654.337 đồng và cam kết "hết tháng 10/2017 sẽ hoàn trả", nếu không trả được, bà N sẽ chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và trước bà H, việc viết Giấy nhận nợ này có ông Ngô Văn H chứng kiến. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 20/9/2018 bà N mới chỉ thanh toán được 135.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại mà bà N phải thanh toán cho bà H là 149.654.337 đồng. Bởi các lý do trên, bà H không yêu cầu khởi kiện công ty TNHH H mà chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị N chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ theo Giấy nhận nợ đã nêu trên. Ngoài ra, số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 17.507.507 đồng (mười bảy triệu năm trăm linh bảy nghìn năm trăm linh bảy đồng). Như vậy, tổng số tiền cả gốc lẫn lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/11/2019 là: 167.161.844đ (một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi tư đồng).

Bị đơn bà Lê Thị N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Lê Thị N không viết bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 10 tháng 7 năm 2019, bà Lê Thị N xác nhận:

Chính bà N đã viết và ký trong Giấy nhận nợ, cam kết đến hết tháng 10 năm 2017 sẽ trả 284.654.337đ cho bà Ngô Thị H. Nguồn gốc của việc bà N nhận nợ với bà H đúng như bà H trình bày. Bà N cũng xác định bà có trách nhiệm trả nợ cho bà H nhưng vì gặp khó khăn nên chưa thanh toán hoàn toàn được. Do phía bà H đòi nợ ráo riết, ngoài ra, còn đe dọa gia đình bà N nên bà N sẽ không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đủ nghĩa vụ.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị H, cụ thể: Bà Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cả gốc và lãi cho bà Ngô Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, thời hiệu: Bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng nhận nợ, nên thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị N cư trú tại tổ 4, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thời hiệu, căn cứ vào Điều 154 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết của bà Ngô Thị H là vẫn còn.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Căn cứ Giấy nhận nợ giữa bà H và bà Nhạn: Xét đây là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện giữa hai bên, trong Giấy nhận nợ này ghi rõ số tiền và thời hạn hoàn trả số tiền này của bà N. Trong biên bản ghi lời khai, bà N xác nhận Giấy nhận nợ này do chính bà viết và ký xác nhận, thể hiện: việc mua bán và nợ tiền với bà Ngô Thị H là có thật, bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà H.

[2.2] Mặc dù, nguồn gốc của việc nhận nợ là việc mua bán giữa 2 công ty: TNHH Kính V một thành viên do chồng bà Ngô Thị H là ông Vũ Xuân G là người đại diện theo pháp luật và Công ty TNHH H (công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên bao gồm ông Ngô Văn H và ông Ngô Văn H (là chồng và con trai bà Lê Thị N). Tuy nhiên, do bà Lê Thị N là người đứng ra với tư cách cá nhân nhận nợ với bà H. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H yêu cầu bà Lê Thị N phải có trách nhiệm cá nhân bà N đối với khoản nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3] Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, tính đến thời điểm ngày 20/9/2018 thì bà N đã thanh toán được 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), nợ gốc còn lại là 149.654.337đ (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

[2.4] Nguyên đơn đề nghị tính lãi trên nợ gốc từ ngày 20/9/2018 đến ngày 21/11/2019 (427 ngày): 149.654.337đ x 10%/năm x 427 ngày = 17.507.507đ; Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 149.654.337 đồng + 17.507.507 đồng = 167.161.844 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi tư đồng). Xét đề nghị này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 154, Điều 385, Điều 401, khoản 2 Điều 402, khoản 2 Điều 468, Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đối với bà Lê Thị N. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền 167.161.844đ (một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi tư đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N phải chịu 8.358.092đ (tám triệu ba trăm năm mươi tám nghìn không trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bà Ngô Thị H được hoàn trả 7.116.000đ (Bảy triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003328 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lại Thị Hiếu